

TRUY CẬP GROUP

<https://www.facebook.com/groups/kythithptqg/>

Đề nhận tài liệu ôn thi THPTQG miễn phí

Ancol

Câu 1: Câu nào sau đây đúng nhất ?

- A. Ancol là hợp chất hữu cơ trong phân tử có nhóm $-OH$ **B. Hợp chất CH_3-CH_2-OH là ancol etylic**
 C. Hợp chất $C_6H_5-CH_2OH$ là phenol D. Những hợp chất có chứa nhóm $-CHO$ trong phân tử là hợp chất anđehit.

Câu 2: CTTQ của dãy đồng đẳng ancol etylic là

- A. $R-OH$ **B. $C_nH_{2n+1}OH$** C. $C_nH_{2n+2}O$ D. $R(OH)_n$

Câu 3: Các ancol được phân loại trên cơ sở:

- A. Bậc của ancol
 B. Số lượng nhóm $-OH$
 C. Đặc điểm cấu tạo gốc hidrocarbon
D. Bậc của ancol, số lượng nhóm $-OH$ và đặc điểm cấu tạo của gốc hidrocarbon

Câu 4: Công thức nào dưới đây là công thức của ancol no, mạch hở chính xác nhất ?

- A. $R(OH)_n$ B. $C_nH_{2n+2}O_x$ **C. $C_nH_{2n+2-x}(OH)_x$** D. $C_nH_{2n+2}O$

Câu 5: Câu nào đúng nhất khi nói về các đồng phân của $C_4H_{10}O$?

- A. Có 3 đồng phân chức ancol **B. Có 2 đồng phân chức ete**
C. Có 2 đồng phân ancol bậc I D. Có 3 đồng phân chức ancol và 3 đồng phân ete

Câu 6: Số đồng phân ancol bậc 2 ứng với CTPT $C_5H_{12}O$ là A. 2 **B. 3** C. 4 D. 5

Câu 7: Ancol no đơn chức mạch hở có 10 nguyên tử H trong phân tử có CTPT là

- A. $C_4H_{10}O$** B. $C_3H_{10}O$ C. $C_5H_{10}O$ D. $CH_{10}O$

Câu 8: Số đồng phân ancol ứng với CTPT $C_3H_8O_x$ là A. 3 B. 4 **C. 5** D. 6

Câu 9: Phương pháp điều chế ancol etylic từ chất nào sau đây là phương pháp sinh hoá ?

- A. Etilen B. Etylclorua **C. Tinh bột** D. Anđehit axetic

Câu 10: Ancol nào sau đây bị oxi hoá thành xeton ?

- A. $CH_3-CH(OH)-CH_3$** B. $CH_3-CH(CH_3)-CH_2-OH$ C. $CH_3CH_2CH_2OH$ D. $CH_3CH_2CH_2CH_2OH$

Câu 11: Ancol nào sau đây khó bị oxi hoá nhất ?

- A. 2-metyl butan-1-ol B. 3-metyl butan-2-ol **C. 2-metyl butan-2-ol** D. 3-metyl butan-1-ol

Câu 12: Đun nóng một ancol A với H_2SO_4 đặc ở nhiệt độ thích hợp thu được một olefin duy nhất. CTTQ của X là (với n > 0, nguyên): A. $C_nH_{2n+1}OH$ B. ROH **C. $C_nH_{2n+1}CH_2OH$** D. $C_nH_{2n+2}O$

Câu 13: Khi đun nóng butan-2-ol với H_2SO_4 đặc ở $170^\circ C$ thì thu được sản phẩm chính là

- A. But-1-en **B. But-2-en** C. Đibutylete D. Đietylete

Câu 14: Hidrat hoá 2-metyl buten-2 thì sản phẩm chính thu được là

- A. 3-metyl butan-1-ol B. 3-metyl butan-2-ol **C. 2-metyl butan-2-ol** D. 2-metyl butan-1-ol

Câu 15: Hidrat hoá một anken A và propen thu được 3 ancol có số nguyên tử C không quá 4. Tên của A là

- A. Etilen B. But-2-en C. isobutilen **D. Etilen hoặc but-2-en**

Câu 16: Chất nào có nhiệt độ sôi cao nhất ?

- A. CH_3-O-CH_3 B. CH_3CH_2OH C. CH_3CHO **D. H_2O**

Câu 17: Có các thuốc thử sau: dung dịch Br_2 , Na kim loại, dung dịch HCl. Có thể phân biệt 2 chất lỏng ancol etylic và benzen bằng chất nào ?

- A. Dung dịch Br_2 B. Na C. Dung dịch HCl **D. Tất cả các thuốc thử trên**

Câu 18: Có mấy đồng phân C_3H_8O bị oxi hoá thành anđehit ?

- A. 1** B. 3 C. 3 D. 4

Câu 19: Một chai ancol etylic ghi 25^0 có nghĩa là

- A. Cứ 100g dung dịch có 25g ancol nguyên chất B. Cứ 100g dung dịch có 25 ml ancol nguyên chất
C. Cứ 75 ml H_2O có 25 ml ancol nguyên chất D. Cứ 100 g nước có 25ml ancol nguyên chất

Câu 20: Khi đun nóng n ancol đơn chức có mặt H_2SO_4 đặc ở $140^\circ C$ thì thu được số ete tối đa là

- A. 2n B. 2n C. n^2 **D. $n(n+1)/2$**

Câu 21: Khi đun nóng hỗn hợp ancol etylic và ancol isopropylic với H_2SO_4 đặc ở $140^\circ C$ có thể thu được số ete tối đa là

- A. 2 **B. 3** C. 4 D. 5

Câu 22: Đun nóng từ từ hỗn hợp etanol và propan-2-ol với xúc tác H_2SO_4 đặc có thể thu được tối đa bao nhiêu sản phẩm hữu cơ trong phân tử chứa 3 nguyên tố C, H, O ?

- A. 2 **B. 3** C. 4 D. 5
- Câu 23 :** Anken thích hợp để điều chế 3-etyl pentan-3-ol bằng phản ứng hydrat hoá là
A. 3-etyl pent-2-en B. 3-etyl pent-1-en C. 3,3đimetyl pent-2-en D. 3-etyl pent-3-en
- Câu 24 :** Bậc của 2-metyl butan-2-ol là
A. Bậc 1 B. Bậc 2 **C. Bậc 3** D. Bậc 4
- Câu 25 :** Khi oxi hoá bằng kali dicromat trong môi trường axit, ancol nào sau đây cho ra sản phẩm là một xeton có cùng số nguyên tử C với ancol ban đầu ?
A. Etanol B. Propandi-ol-1,3 **C. 2-metyl butan-2-ol** D. Buatnol-2
- Câu 26 :** Bậc của ancol là
A. Số nhóm chức có trong phân tử B. Bậc C lớn nhất trong phân tử
C. Bậc của C liên kết với nhóm OH D. Số C có trong phân tử ancol
- Câu 27 :** Các hợp chất ancol (CH_3)₂CHOH, $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH}$, $(\text{CH}_3)_3\text{COH}$ có bậc lần lượt là
A. 1, 2, 3 B. 2, 3, 1 C. 1, 3, 2 **D. 2, 1, 3**
- Câu 28 :** Một ancol no có công thức thực nghiệm là $(\text{C}_2\text{H}_5\text{O})_n$. CTPT của ancol có thể là
A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{O}$ **B. $\text{C}_4\text{H}_{10}\text{O}_2$** C. $\text{C}_4\text{H}_{10}\text{O}$ D. $\text{C}_6\text{H}_{15}\text{O}_3$
- Câu 29 :** Một ancol no đơn chức có %H = 13,04% về khối lượng. CTPT ancol là
A. CH_3OH **B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$** C. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_2\text{OH}$ D. $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_2\text{OH}$
- Câu 30 :** Một ancol đơn chức có %O = 50% về khối lượng. CTPT của ancol là
A. CH_3OH B. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ C. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_2\text{OH}$ D. $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_2\text{OH}$
- Câu 31 :** Đốt cháy một ancol X, được $n\text{H}_2\text{O} > n\text{CO}_2$. Kết luận nào sau đây là đúng nhất ?
A. X là ankanol đơn chức B. X là ankandi-ol
C. X là ancol đa chức, mạch hở **D. X là ancol no, mạch hở**
- Câu 32 :** Khi đốt cháy đồng đẳng của ancol đơn chức thấy tỉ lệ số mol $n_{\text{CO}_2} : n_{\text{H}_2\text{O}}$ tăng dần. Ancol trên thuộc dãy đồng đẳng nào **A. Ancol no** B. Ancol không no C. Ancol thơm D. Không xác định được
- Câu 33 :** Khi đốt một ancol đơn chức (X) thu được CO_2 và H_2O theo tỉ lệ thể tích $V_{\text{CO}_2} : V_{\text{H}_2\text{O}} = 4 : 5$. CTPT của X là
A. $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$ B. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$ **C. $\text{C}_4\text{H}_{10}\text{O}$** D. $\text{C}_5\text{H}_{12}\text{O}$
- Câu 34 :** Khi đốt cháy một ancol đa chức thu được H_2O và CO_2 theo tỉ lệ khối lượng $m_{\text{CO}_2} : m_{\text{H}_2\text{O}} = 44 : 27$. CTPT của ancol là **A. $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}_2$** B. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ C. $\text{C}_3\text{H}_8\text{O}_2$ D. $\text{C}_5\text{H}_{10}\text{O}_2$
- Câu 35 :** Lên men m g glucosơ với H = 90%, lượng CO_2 sinh ra hấp thu hết vào dd nước vôi trong thu được 10g kết tủa, khối lượng dd sau phản ứng giảm 3,4g so với khối lượng dd nước vôi trong ban đầu, giá trị m là
A. 13 B. 30 C. 15 D. 20
- Câu 36 :** (X) là một ancol mạch hở có chứa một nối đôi trong phân tử. KLPT của (X) < 60 đvC. CTPT của X là
A. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}$ B. $\text{C}_2\text{H}_4(\text{OH})_2$ **C. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$** D. $\text{C}_3\text{H}_6(\text{OH})_2$
- Câu 37 :** Khi đun nóng một ancol no đơn chức A với H_2SO_4 ở nhiệt độ thích hợp thu được sản phẩm B có tỉ khối hơi so với A là 0,7. Vậy công thức của A là
A. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ C. $\text{C}_3\text{H}_5\text{OH}$ D. $\text{C}_4\text{H}_7\text{OH}$
- Câu 38 :** Ancol etylic có nhiệt độ sôi cao hơn hẳn so với các ankan và các dẫn xuất halogen có khối lượng phân tử tương đương với nó, vì:
A. Trong các hợp chất trên chỉ có ancol etylic tác dụng với Na
B. Trong các hợp chất trên chỉ có ancol etylic có liên kết hidro với nước
C. Trong các hợp chất trên chỉ có ancol etylic liên kết hidro có liên kết hidro liên phân tử
D. Vì ancol etylic có chứa oxi trong phân tử
- Câu 39 :** Oxi hoá 6g ancol no đơn chức X thu được 5,8g andehit. CTCT của X là
A. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH}$ **B. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH}$** C. $\text{CH}_3\text{CH}(\text{OH})\text{CH}_3$ D. CH_3OH
- Câu 40 :** Đề hydrat hoá 14,8g ancol thu được 11,2g anken. CTPT của ancol là
A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ B. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ **C. $\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$** D. $\text{C}_n\text{H}_{2n+1}\text{OH}$
- Câu 41 :** Cho 46,4g ancol đơn chức X tác dụng hết với Na thu được 8,96 lít H_2 (đkc). Tên gọi của X là
A. Etanol B. Ancol etylic C. Ancol propylic **D. Ancol anlylic**
- Câu 42 :** Khi đun nóng ancol đơn chức X với H_2SO_4 đặc ở 140°C thu được ete Y. $d_{Y/X} = 1,4375$. X là
A. CH_3OH B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ C. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ D. $\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$
- Câu 43 :** Đốt cháy hoàn toàn 5,8g ancol đơn chức X thu được 13,2g CO_2 và 5,4g H_2O . X là
A. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ B. $\text{C}_3\text{H}_5\text{OH}$ C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ D. $\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$
- Câu 44 :** Cho 10,6g hỗn hợp 2 ancol no đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng tác dụng hết với Na thu được 2,24 lít H_2 (đkc). CTPT của ancol có KLPT lớn hơn là
A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ **B. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$** C. CH_3OH D. $\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$
- Câu 45 :** Cho 10,6g hỗn hợp 2 ancol no đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng tác dụng hết với Na thu được 2,24 lít H_2 (đkc). Khối lượng ancol có KLPT lớn hơn là
A. 3,2g B. 4,6g **C. 6g** D. 7,4g
- Câu 46 :** Cho 10,6g hỗn hợp 2 ancol no đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng tác dụng hết với Na thu được 2,24 lít H_2 (đkc). % theo khối lượng của ancol có khối lượng phân tử lớn hơn là

A. 43,4% **B. 56,6%** C. 30,19% D. 69,81%

Câu 47 : Một hợp chất X có CTPT C_4H_8O . X làm mất màu nước Br_2 , tác dụng với $Na\sim$. Sản phẩm oxi hoá X bởi CuO không tham gia phản ứng tráng gương. Vậy X là

A. 3-metyl butan-1-ol B. 3-metyl butan-2-ol C. 2-metyl propenol **D. but-1-en-2-ol**

Câu 48 : Đốt cháy một ancol đa chức thu được H_2O và CO_2 có tỉ lệ số mol $n_{H_2O} : n_{CO_2} = 3 : 2$. Vậy ancol đó là

A. $C_3H_8O_2$ **B. $C_2H_6O_2$** C. $C_4H_{10}O_2$ D. $C_3H_8O_3$

Câu 49 : Ancol đơn chức mạch hở X tác dụng với HBr được dẫn xuất Y chứa 58,4% brom về khối lượng. Đun nóng X với H_2SO_4 đặc ở $170^\circ C$ thu được 3 anken. Tên của X là

A. Butan-1-ol **B. Butan-2-ol** C. Pentan-1-ol D. 2-metylpropan-2-ol

Câu 50 : Ancol đơn chức no X mạch hở có $d_{X/H_2} = 37$. Đun nóng X với H_2SO_4 đặc ở $170^\circ C$ thấy tạo thành một anken có nhánh duy nhất. Tên của X là

A. Butan-1-ol B. Butan-2-ol C. Petan-1-ol **D. 2-metyl propan-2-ol**

Câu 51 : X chứa 3 nguyên tố C, H, O tác dụng vừa đủ với H_2 theo tỉ lệ mol 1:1 (Ni xt), được chất hữu cơ Y. Đun nóng Y với H_2SO_4 đặc ở $180^\circ C$ thu được chất hữu cơ Z. Trùng hợp Z thu được poliisobutilen. CTCT của X là

A. $CH_2=CH-CH(OH)CH_3$ **B. $(CH_3)_2CH-CHO$** C. $CH_2=CH-O-CH_2CH_3$ D. $CH_3CH_2CH_2CHO$

Câu 52 : Đun nóng V (ml) ancol etylic 95° với H_2SO_4 đặc ở $180^\circ C$ được 3,36 lít khí etilen (đkc). Biết $H = 60\%$ và khối lượng riêng của ancol etylic là $0,8 \text{ g/cm}^3$. Giá trị của V (ml) là

A. 10,18 **B. 15,13** C. 8,19 D. 12

Câu 53 : Đun nóng hỗn hợp gồm 6g ancol C_2H_5OH và 6g axit CH_3COOH với H_2SO_4 đặc xúc tác. Nếu $H = 75\%$ thì khối lượng este thu được là

A. 8,6g **B. 6,6g** C. 8,8g D. 7,2g

Câu 54 : Đun nóng ancol A với hỗn hợp $NaBr$ và H_2SO_4 đặc thu được chất hữu cơ B có chứa brom. Biết 12,3g hơi chất B chiếm thể tích bằng thể tích của 2,8g N_2 (đo ở cùng điều kiện). Công thức của A là

A. CH_3OH B. C_2H_5OH C. C_3H_5OH **D. C_3H_7OH**

Câu 55 : Cho Na tác dụng vừa đủ với 1,24g hỗn hợp 3 ancol đơn chức X, Y, Z thu được 0,336 lít H_2 (đkc). Khối lượng muối natri ancolat thu được là

A. 1,9g B. 2,4g C. 2,85g D. 3,5g

Câu 56 : Ancol etylic có lẫn một ít nước, có thể dùng chất nào sau đây để làm khan ancol ?

A. H_2SO_4 đặc B. Na **C. $CuSO_4$ khan** D. HNO_3 đặc

Câu 57 : Ba ancol X, Y, Z đều bền có khối lượng phân tử khác nhau. Đốt cháy mỗi chất đều sinh ra CO_2 và H_2O theo tỉ lệ mol $n_{CO_2} : n_{H_2O} = 3 : 4$. Vậy công thức 3 ancol có thể là

A. C_2H_6O , C_3H_8O , $C_4H_{10}O$ B. C_3H_8O , C_4H_8O , $C_5H_{10}O$

C. C_3H_8O , $C_3H_8O_2$, $C_3H_8O_3$ D. C_3H_6O , $C_3H_6O_2$, $C_3H_6O_3$

Câu 58 : Theo danh pháp IUPAC, hợp chất $(CH_3)_2C=CHCH_2OH$ có tên gọi là

A. 3-metylbut-2-en-1-ol B. 2-metylbut-2-en-4-ol C. pen-2-en-1-ol D. ancol isopent-2-en-1-yllic

Câu 59 : Nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, độ tan trong nước của các ancol đều cao hơn so với các hidrocarbon, dẫn xuất halogen, ete có khối lượng phân tử tương đương hoặc có cùng số nguyên tử cacbon là do:

A. Ancol có phản ứng với $Na\sim$. **B. Ancol có nguyên tử oxi trong phân tử.**
C. Giữa các phân tử ancol có liên kết hidro. D. Trong phân tử ancol có liên kết cộng hoá trị.

Câu 60 : Chất hữu cơ X có CTPT $C_4H_{10}O$. Số lượng đồng phân của X là

A. 4 B. 5 C. 6 **D. 7**

Câu 61 : Chất hữu cơ X có CTPT $C_4H_{10}O$. Số lượng các đồng phân của X có phản ứng với Na là

A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 62 : Độ rượu là

A. Thành phần trăm về khối lượng của etanol nguyên chất trong hỗn hợp với nước.

B. Phần trăm thể tích của etanol nguyên chất trong hỗn hợp với nước.

C. Phần trăm số mol của etanol nguyên chất trong hỗn hợp với nước.

D. Phần ancol hoà tan trong bất kì dung môi nào.

Câu 63 : Khi đốt cháy hoàn toàn một ancol mạch hở thu được CO_2 và H_2O với tỉ lệ số mol $n_{CO_2} : n_{H_2O} < 1$ (trong cùng điều kiện), ancol đó là

A. Ancol no, đơn chức. **B. Ancol no.**

C. Ancol không no, đa chức. D. Ancol không no có một nối đôi trong phân tử.

Câu 64 : Chỉ dùng các chất nào dưới đây để có thể phân biệt được hai ancol đồng phân có cùng CTPT C_3H_8O ?

A. Na và H_2SO_4 đặc B. Na và CuO **C. CuO và dd $AgNO_3/NH_3$** D. Na và dd $AgNO_3/NH_3$

Câu 65 : Có bao nhiêu đồng phân ancol bậc 2 có cùng CTPT $C_5H_{12}O$?

A. 2 **B. 3** C. 4 D. 5

Câu 66 : Có bao nhiêu đồng phân có cùng CTPT $C_5H_{12}O$ khi oxi hoá bằng CuO (t^0) tạo sản phẩm có phản ứng tráng gương ?

A. 2 B. 3 **C. 4** D. 5

Câu 67 : Cho 4 ancol sau: C_2H_5OH , $C_2H_4(OH)_2$, $C_3H_5(OH)_3$ và $HO-CH_2-CH_2-CH_2-OH$.

Ancol nào không hoà tan được $Cu(OH)_2$?

- A. C_2H_5OH và $C_2H_4(OH)_2$ B. $C_2H_4(OH)_2$ và $HO-CH_2-CH_2-CH_2-OH$
C. C_2H_5OH và $HO-CH_2-CH_2-CH_2-OH$ D. Chỉ có C_2H_5OH

Câu 68 : Chất hữu cơ X có đồng phân cis-trans có CTPT C_4H_8O , X làm mất màu dung dịch nước Br_2 và tác dụng với Na giải phóng khí H_2 . X ứng với CTCT nào sau đây ?

- A. $CH_2=CH-CH_2-CH_2-OH$ B. **$CH_3-CH=CH-CH_2-OH$**
 C. $CH_2=C(CH_3)-CH_2-OH$ D. $CH_3-CH_2-CH=CH-OH$

Câu 69 : Etanol bị tách nước ở $140^\circ C$ (xúc tác H_2SO_4 đặc) thu được sản phẩm chính có công thức là

- A. **$C_2H_5OC_2H_5$** B. C_2H_4 C. $CH_2=CH-CH=CH_2$ D. $C_2H_5OSO_3H$

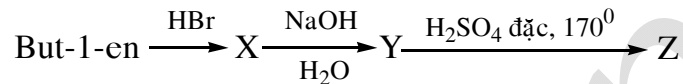
Câu 70 : Một ancol no, đa chức X có CTTQ $C_xH_yO_z$ ($y = 2x + z$). X có tỉ khối hơi so với không khí nhỏ hơn 3 và không tác dụng với $Cu(OH)_2$. X ứng với công thức nào dưới đây ?

- A. $HO-CH_2-CH_2-OH$ B. $HO-CH_2-CH(OH)-CH_3$
 C. $HO-CH_2-CH(OH)-CH_2-OH$ D. **$HO-CH_2-CH_2-CH_2-OH$**

Câu 71 : Khi đun nóng $CH_3CH_2CHOHCH_3$ (butan-2-ol) với H_2SO_4 đặc, ở $170^\circ C$ thì sản phẩm chính thu được là chất nào dưới đây ?

- A. But-1-en B. **But-2-en** C. Dietyl ete D. But-1-en và but-2-en có tỉ lệ thể tích là 1 : 1.

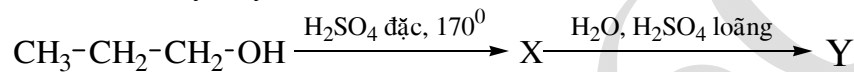
Câu 72 : Cho sơ đồ phản ứng sau:



Biết X, Y, Z đều là các hợp chất hữu cơ và là sản phẩm chính của từng giai đoạn. Công thức của X, Y, Z lần lượt là

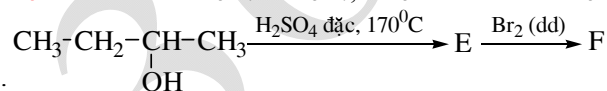
- A. **$CH_3-CHBr-CH_2-CH_3$; $CH_3-CH(OH)-CH_2-CH_3$; $CH_3-CH=CH-CH_3$**
 B. $Br-CH_2-CH_2-CH_2-CH_3$; $HO-CH_2-CH_2-CH_2-CH_3$; $CH_2=CH-CH_2-CH_3$
 C. $CH_3-CHBr-CH_2-CH_3$; $CH_3-CH(OH)-CH_2-CH_3$; $CH_2=CH-CH_2-CH_3$
 D. $CH_3-CHBr-CH_2-CH_3$; $CH_3-CH(OH)-CH_2-CH_3$; $C_2H_5-CH(CH_3)-O-CH(CH_3)-C_2H_5$

Câu 73 : Cho dãy chuyển hoá sau:



Biết X, Y là sản phẩm chính. Vậy CTCT của X và Y lần lượt là

- A. $CH_3-CH=CH_2$; $CH_3-CH_2-CH_2-OH$ B. $CH_3-CH=CH_2$; $CH_3-CH_2-CH_2-OSO_3H$
C. $CH_3-CH=CH_2$; $CH_3-CH(OH)-CH_3$ D. $C_3H_7-O-C_3H_7$; $CH_3-CH_2-CH_2-OSO_3H$



Câu 74 : Cho dãy chuyển hoá sau:

Biết E, F là sản phẩm chính, các chất phản ứng với nhau theo tỉ lệ 1 : 1 về số mol. CTCT của E, F lần lượt là cặp chất nào sau đây ?

- A. $CH_3CH_2CH=CH_2$, $CH_3CH_2CHBrCH_2Br$ B. **$CH_3CH=CHCH_3$; $CH_3CHBrCHBrCH_3$**
 C. $CH_3CH=CHCH_3$; $CH_3CH_2CBr_2CH_3$ D. $CH_3CH_2CH=CH_2$; $BrCH_2CH_2CH=CH_2$

Câu 75 : Để xác định độ cồn người ta cho 20,2 gam một dung dịch ancol etylic tác dụng với Na dư thu được 5,6 lít khí H_2 đktc. Biết $d_{\text{ancol}} = 0,8 \text{ g/ml}$ và $d_{H_2O} = 1 \text{ g/ml}$. Độ cồn là?

- A. 92,50 B. 92,70 C. 950 D. 920

Câu 76 : Đốt cháy hoàn toàn 60 ml dd cồn, cho sản phẩm cháy hấp thụ vào trong dd $Ca(OH)_2$ dư thấy có 167 gam kết tủa. Độ cồn của dd là? A. 700 B. 800 C. 850 D. 900

Câu 77 : Cho 10 ml ancoletylic 900 tác dụng hết với Na. Biết $d_{\text{ancol}} = 0,8 \text{ g/ml}$ và $d_{H_2O} = 1 \text{ g/ml}$. Tính thể tích H_2 thu được ở đktc? A. 1,12 lít B. 1,68 lít C. 1,792 lít D. 2.258 lít

Câu 78 : Có bao nhiêu công thức ancol ứng với công thức tổng quát: C_3H_8On . Và có bao nhiêu công thức ancol có thể tham gia phản ứng tạo phức (dd màu xanh lam) với $Cu(OH)_2$?

- A. 4,3 B. 5,3 C. 5,2 D. 5,4

Câu 79 : Khi lên men 1 lít ancol etylic 9,2o thu được dung dịch chứa x gam axit axetic. Biết hiệu suất quá trình lên men là 80% và khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất là 0,8 g/ml. Giá trị của x là

- A. 96. B. 76,8. C. 120. D. 80.

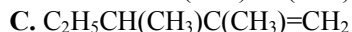
Câu 80 : Lên men hoàn toàn m gam glucozo thành ancol etylic. Toàn bộ khí CO_2 sinh ra trong quá trình này được hấp thụ hết vào dung dịch $Ca(OH)_2$ (dư) tạo ra 40 gam kết tủa. Nếu hiệu suất của quá trình lên men là 75% thì giá trị của m là

- A. 60. B. 58. C. 30. D. 48.

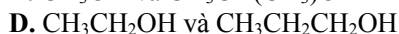
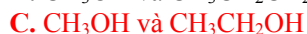
Câu 81 : Khối lượng của tinh bột cần dùng trong quá trình lên men để tạo thành 5 lít ancol etylic 46o là (biết hiệu suất của cả quá trình là 72% và khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất là 0,8 g/ml)

- A. 5,4 kg. B. 5,0 kg. C. 6,0 kg. D. 4,5 kg.

Câu 82 : Đun nóng 2,3-dimethylpentan-2-ol với H_2SO_4 đặc ở $170^\circ C$, sau phản ứng thu được sản phẩm chính là chất nào dưới đây ?



Câu 83 : Đốt cháy hoàn toàn một ete đơn chức thu được H_2O và CO_2 với tỉ lệ số mol 4 : 3. Ete này có thể điều chế được từ ancol nào dưới đây bằng 1 phương trình hoá học ?



Câu 84 : Khi oxi hoá ancol A bằng CuO , thu được anđehit B. Vậy A là

A. Ancol bậc 1

B. Ancol bậc 2

C. Ancol bậc 3

D. Ancol bậc 1 hoặc ancol bậc 2

Câu 85 : Khi cho 2,2-đimetylpropanol tác dụng với HCl thì thu được sản phẩm chính là chất nào dưới đây ?

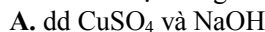
A. 1-clo-2,2-đimetylpropan

B. 3-clo-2,2-đimetylpropan

C. 2-clo-3-metylbutan

D. 2-clo-2-metylbutan

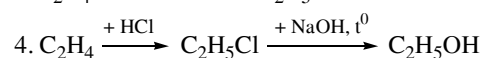
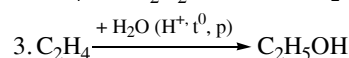
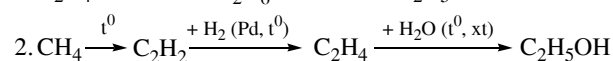
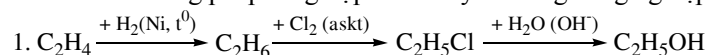
Câu 86 : Một trong các cách để phân biệt bậc của các ancol là sử dụng thuốc thử Lucas. Thuốc thử đó là hỗn hợp của:



Câu 87 : Để phân biệt ancol etylic nguyên chất và ancol etylic có lẫn nước, người ta dùng thuốc thử là chất nào dưới đây ?



Câu 88 : Phương pháp tổng hợp ancol etylic trong công nghiệp thích hợp nhất là phương pháp nào sau đây ?



A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 89 : Trong công nghiệp, để sản xuất etanol người ta:

A. Hidrat hoá etilen với xúc tác $\text{H}_3\text{PO}_4/\text{SiO}_2 (t^0, \text{p})$.

B. Chưng khan gỗ.

C. Đi từ dẫn xuất halogen bằng phản ứng với dung dịch kiềm.

D. Thủy phân este trong môi trường kiềm.

Câu 90 : Hidrat hoá propen (propilen) với H_2SO_4 xúc tác sẽ tạo ra:

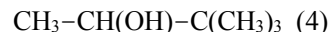
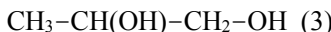
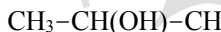
A. Hai ancol đồng phân của nhau, trong đó sản phẩm chính là ancol bậc 2.

B. Hai ancol đồng phân của nhau, trong đó sản phẩm chính là ancol bậc 1.

C. Hai ancol đồng phân của nhau với % thể tích như nhau.

D. Một ancol bậc 2 duy nhất.

Câu 91 : Cho các ancol sau:



Dãy gồm các ancol khi tách nước chỉ cho một olefin duy nhất là

A. (1), (2)

B. (1), (2), (3)

C. (1), (2), (4)

D. (2), (3)

Câu 92 : Chọn câu sai:

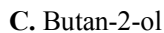
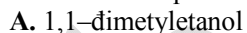
A. Phản ứng tách nước từ ancol tuân theo quy tắc Zaixep.

B. Phản ứng cộng nước vào anken tuân theo quy tắc Maccopnhicop.

C. Ancol no đơn chức nhiều đồng phân hơn so với hiđrôcacbon có cùng số nguyên tử.

D. Oxi hóa ancol bậc một bởi CuO sinh ra hợp chất có nhóm chức xeton.

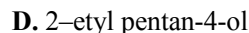
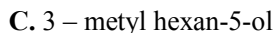
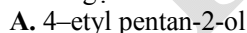
Câu 93 : Tên quốc tế của ancol tert-butyllic là



Câu 94 : Hợp chất:



có tên gọi theo IUPAC là



Câu 95 : Ancol etylic tan vô hạn trong nước là do:

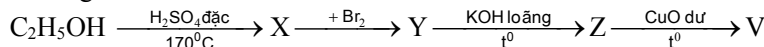
A. Khối lượng phân tử ancol nhỏ.

C. Các phân tử ancol etylic liên kết hiđrô với nhau.

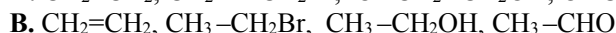
B. Ancol etylic phân cực mạnh.

D. Các phân tử ancol etylic liên kết hiđrô với phân tử nước.

Câu 96 : Trong sơ đồ biến hóa sau:



X, Y, Z, V lần lượt là



Câu 97 : Cho sơ đồ điều chế sau: